

VIỆN CHĂN NUÔI

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU GIA CẦM THỤY PHƯƠNG

Hướng dẫn NUÔI GÀ AI CẬP



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

VIỆN CHĂN NUÔI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU GIA CẦM THỤY PHƯƠNG

HƯỚNG DẪN
NUÔI GÀ AI CẬP

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI - 2006

LỜI GIỚI THIỆU

Gà Ri được coi là giống gà kiêm dụng hướng trứng và có chất lượng thịt thơm ngon nhất trong các giống gà nội. Tuy nhiên sản lượng trứng chỉ đạt 80-110 quả/mái/năm, khối lượng trứng bé 38-40g/quả. Với năng suất trứng như vậy nuôi gà Ri chưa thực sự mang lại hiệu quả kinh tế.

Nhằm đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia cầm hướng trứng trong nông hộ, năm 1997 Bộ Nông nghiệp và PTNT giao cho Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương - Viện Chăn nuôi nhập, nghiên cứu, thích nghi và chọn lọc gà Ai Cập. Đây là giống gà có tầm vóc thanh nhẹ, năng suất trứng đạt 205-209 quả/mái/năm, chất lượng trứng như trứng gà nội, khả năng chống chịu bệnh tật rất tốt, kiếm mồi giỏi và sử dụng có hiệu quả nhiều nguồn thức ăn, rất phù hợp với môi trường chăn thả. Hiện nay gà Ai Cập đã được chuyển giao nuôi rộng rãi ở các địa phương mang lại thu nhập đáng kể cho người nông dân.

Để giúp bạn đọc tham khảo và tổ chức chăn nuôi gà Ai Cập trong gia đình đạt hiệu quả kinh tế cao trong điều kiện dịch cúm gia cầm, Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương giới thiệu với bạn đọc

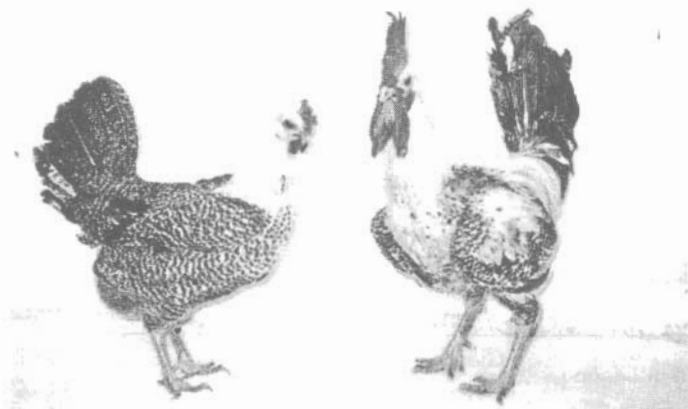
cuốn: **“Hướng dẫn nuôi gà Ai Cập”** gồm những nội dung về đặc điểm sinh học, tính năng sản xuất kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng và các biện pháp thú y phòng bệnh, an toàn sinh học.

Quy trình biên soạn căn cứ kết quả nghiên cứu khoa học, các kinh nghiệm thực tiễn của nhiều hộ chăn nuôi và đã được các nhà chuyên môn góp ý nhưng chắc chắn không tránh khỏi khiếm khuyết. Song chúng tôi hy vọng sách sẽ cung cấp thêm cho người chăn nuôi những kỹ thuật có giá trị để nuôi thả vườn giống gà Ai Cập đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Chúng tôi rất trân trọng tiếp thu sự góp ý của độc giả để lần sau tái bản được hoàn chỉnh hơn.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU GIA CẦM
THỤY PHƯỜNG

I. ĐẶC ĐIỂM, TÍNH NĂNG SẢN XUẤT CỦA GÀ AI CẬP



Gà Ai Cập là giống gà thả vườn của Ai Cập có năng suất trứng đạt 200 - 220 quả/năm, tỷ lệ lòng đỏ cao, chất lượng trứng thơm ngon, được nhập vào nước ta tháng 4 năm 1997.

Gà Ai Cập có tầm vóc nhỏ, nhanh nhẹn, thịt chắc, chân cao, tiết diện hình nêm thể hiện rõ hướng chuyên dụng trứng. Gà có khả năng chịu đựng tốt, thích hợp với nhiều phương thức chăn nuôi. Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương- Viện Chăn nuôi đã tiến hành chọn lọc, nhân thuần qua 8 thế hệ và đàn gà ổn định, cho năng suất cao. Bộ Nông nghiệp và PTNT

công nhận đây là dòng gà thuần theo quyết định số 953/QĐ/ BNN- KHCN ngày 16 tháng 4 năm 2004.

Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Sinh sản	Tuổi đẻ 5% (ngày)	140- 145
	Tuổi đẻ 50% (ngày)	163 - 175
	Sản lượng trứng/1năm đẻ (quả)	200 - 220
Phôi, ấp nở	Tỷ lệ trứng giống (%)	95 - 97
	Tỷ lệ phôi (%)	95 - 99
	Tỷ lệ nở/tổng trứng (%)	91 - 93
Khối lượng cơ thể	20 tuần tuổi	
	- trống (g)	1.800
	- mái (g)	1.450
Tỷ lệ nuôi sống	Giai đoạn 0-20 tuần tuổi (%)	95 - 97
	Giai đoạn đẻ (%)	94 - 95
Tỷ bình quân/ngày	Giai đoạn đẻ (g)	100 - 120
	10 quả trứng giống (kg)	1,95 - 2,0

II. KỸ THUẬT NUÔI GÀ AI CẬP

1. Thực hiện biện pháp an toàn sinh học

1.1. Điều kiện chung

** Chuồng trại*

Xây dựng chuồng trại đảm bảo thông thoáng về mùa hè, ấm áp về mùa đông đối với chuồng nuôi hờ

hoặc tốt nhất là xây dựng chuồng nuôi khép kín nuôi sàn hoặc nuôi nền vì hạn chế được sự tiếp xúc giữa con người và gia cầm cũng như giữa gia cầm và các loài khác. Tuy nhiên, với kiểu chuồng này thì cần có sự đầu tư ban đầu lớn và thích hợp với phương thức nuôi trang trại hoặc tập trung. Nền chuồng nền láng phẳng bằng xi măng, mỗi chuồng cần có diện rộng từ 1-1,5m để tránh mưa gió hắt vào. Chuồng nuôi và sân chơi đảm bảo khô ráo và đặc biệt phải có ánh nắng chiếu vào...

** Khu vực chăn nuôi*

Khu vực chăn nuôi phải tách riêng với các khu vực phục vụ chăn nuôi khác như kho thức ăn, trạm ấp trứng, kho đựng chất độn chuồng. Đặc biệt là khu vực chứa phân phải có mái che, cách xa khu chăn nuôi và phải ở cuối hướng gió. Nếu chăn nuôi với số lượng lớn thì xây hệ thống Biogas. Xây dựng hệ thống đường đi và thoát nước theo hệ thống chuồng nuôi. Xây dựng chuồng cách chuồng từ 20-30m. Nếu là chăn nuôi trong nông hộ thì chuồng nuôi phải cách xa nơi ở ít nhất là 30m. Phải có khu vực xử lý xác gia cầm ốm, chết, tốt nhất là xây lò thiêu xác gia cầm thủ công. Khu vực này phải phun sát trùng thường xuyên.

** Biện pháp cách ly mầm bệnh*

Có hàng rào hoặc tường bao chắn xung quanh khu vực chăn nuôi cũng như có hệ thống cổng ra vào, hệ

thống hồ sát trùng, tắm gội thay quần áo bảo hộ trước khi vào khu vực chăn nuôi. Nếu chăn nuôi hộ gia đình thì phải có quần áo ở khu chăn nuôi và phải có bảo hộ lao động như ủng, khẩu trang... Phun sát trùng toàn bộ phương tiện khi ra vào khu vực chăn nuôi, có thể là hệ thống phun tự động hoặc có người trực để phun khử trùng. Hạn chế sự tham quan ra vào khu vực chăn nuôi, hạn chế các thành viên không chăn nuôi vào khu vực chăn nuôi, không nên nuôi các vật nuôi khác như chó mèo... trong khu vực chăn nuôi (nếu nuôi phải nhốt lại).

1.2. Chuẩn bị điều kiện nuôi

Chuẩn bị chuồng trại phù hợp với từng đối tượng gia cầm. Trước khi nuôi gia cầm phải tẩy rửa vệ sinh, phun thuốc sát trùng có thể dùng: Biocid 0,3%, formol 2%, Virkon 0,5%, BKA 0,3%, dung dịch hoạt hoá điện hoá Anolit nguyên chất... quét vôi trắng nền chuồng, tường và hành lang chuồng nuôi, để khô và phun lại lần cuối trước khi thả gia cầm vào nuôi 1 ngày. Nếu khu đã chăn nuôi thì phải có thời gian để trống chuồng ít nhất là 2 tuần (sau khi đã dọn rửa phun khử trùng và quét vôi) thì mới đưa gia cầm vào nuôi. Các dụng cụ chăn nuôi như máng ăn, máng uống, cót quây gia cầm... phải được tẩy rửa, phun thuốc sát trùng và phơi nắng cho khô. Phơi khô phun

hoặc xông bằng thuốc tím và formol chất độn chuồng. Độ dày của chất độn chuồng tùy thuộc vào loại gia cầm và mùa vụ. Các thiết bị chăn nuôi như chụp sưởi, máng ăn, máng uống phải được sắp đặt sẵn ở trong quây và phải bật chụp sưởi cho ấm trước khi thả gia cầm mới nở vào. Xung quanh chuồng phải chuẩn bị hệ thống bạt che, các bạt này cũng phải được phun khử trùng hoặc xông formol trước khi đưa vào sử dụng. Xác định diện tích nền chuồng để quây gia cầm cho thích hợp, thường 350 đến 400 gà/quây có đường kính 3m chiều cao 40-50cm. Diện tích quây được nở rộng theo lứa tuổi của gia cầm. Lối ra vào chuồng nuôi phải có hố sát trùng hoặc phải có khay đựng thuốc sát trùng (Crezin 3%, formol 2% hoặc vôi bột) để sát trùng ủng và xe cải tiến trước khi vào chuồng nuôi.

1.3. Vệ sinh thú y trong quá trình chăn nuôi

**** Vệ sinh thức ăn, nước uống***

Máng ăn, máng uống phải được rửa sạch và phun sát trùng hoặc ngâm formol 2% định kỳ 1 tháng 1 lần. Hàng ngày thay nước uống và rửa lại máng sạch sẽ.

Nước cho gia cầm uống phải là nước sạch, đạt các tiêu chuẩn về vi sinh vật và kim loại nặng... có thể bổ sung dung dịch hoá điện hoá (5%-10%) cho gà uống từ lúc 1 ngày tuổi đến khi giết thịt để giúp phòng bệnh tiêu hoá.

Không được cho gia cầm ăn những loại thức ăn không đạt tiêu chuẩn về vi sinh vật, nấm mốc, kim loại nặng... Làm sạch máng ăn trước khi cho gia cầm ăn.

** Vệ sinh chuồng trại và môi trường xung quanh*

Định kỳ phun thuốc sát trùng trong chuồng nuôi bằng các dung dịch thuốc sát trùng như Virkon 0,25%, Biocid 0,1%, dung dịch hoạt hoá điện hoá nguyên chất... ít nhất tuần 1 lần.

Phun sát trùng các khu vực xung quanh chuồng nuôi bằng Biocid 0,3%, formol 2%, Virkon 0,5%, BKA 0,3%, dung dịch hoạt hoá điện hoá Anolit nguyên chất thay đổi nhau tuần 1 lần.

Thường xuyên quét mạng nhện, bụi bẩn bám vào chuồng nuôi.

Cuốc đất, phun sát trùng, rắc vôi các khu vực xung quanh trại định kỳ 2-3 tháng 1 lần.

Thường xuyên diệt chuột và côn trùng ở khu vực chăn nuôi, làm cỏ, phát quang cây cối quanh khu vực chuồng nuôi để tránh những con vật mang mầm bệnh vào cho gia cầm.

Đảm bảo mật độ gia cầm trong chuồng nuôi và phải đảm bảo đủ máng ăn, máng uống cho gà.

Định kỳ dọn phân cho gia cầm, nếu chuồng trại ẩm ướt thì phải dọn phân ngay, đảm bảo chuồng nuôi luôn khô ráo.

** Vệ sinh khu vực trạm ấp*

Trước khi vào khu vực ấp phải có hồ sát trùng.

Hạn chế đến mức thấp nhất khách ra vào tham quan.

Phải có phòng tắm thay quần áo giầy dép cho người làm trực tiếp tại trạm ấp.

Tất cả các loại trứng trước khi đưa vào ấp hoặc bảo quản phải xông khử trùng bằng thuốc tím và formol (17,5g thuốc tím + 35ml formol).

Khử trùng hàng ngày khu vực ấp. Các dụng cụ ấp nở phải được thường xuyên cọ rửa và phun khử trùng trước khi đem vào sử dụng. Định kỳ vệ sinh khu vực nhà ấp và xung quanh.

Diệt chuột và các loại côn trùng khác.

Phải có khu xử lý chất thải (vỏ trứng, trứng không nở) Có thể chôn sâu và rắc vôi bột lên trên hoặc đốt các vỏ trứng.

1.4. Kiểm tra sức khỏe đàn gia cầm. Xử lý gia cầm ốm, chết

** Kiểm tra sức khỏe đàn gia cầm*

Thường kiểm tra vào đầu giờ sáng hàng ngày.

Kiểm tra tình trạng thái chung như dáng đi, các biểu hiện bất thường của gia cầm như liệt chân, ủ rũ,

chảy nước mắt, nước mũi, ho khó thở... Kiểm tra phân dưới nền chuồng.

Kiểm tra tình trạng ăn uống, xem đàn gia cầm có ăn uống như ngày thường hay có 1 số con hoặc cả đàn bỏ ăn...

Thực hiện đúng quy trình chăn nuôi, cho ăn thức ăn phù hợp với từng giống và lứa tuổi gia cầm.

Thực hiện nghiêm túc lịch phòng vaccin và thuốc định kì cho đàn gia cầm.

Phải có sổ ghi chép đầy đủ chính xác về các loại thuốc và vaccin sử dụng cho đàn gia cầm, thời gian ngày giờ cho uống tiêm vaccin

Nếu gặp những bệnh thông thường mà qua triệu chứng lâm sàng có thể chẩn đoán bệnh (cần trùng, CRD) thì nên điều trị càng sớm càng tốt, trước khi giết thịt phải đảm bảo đúng thời gian ngừng sử dụng thuốc kháng sinh.

** Xử lý gia cầm ốm, chết*

Không được giết mổ bừa bãi. Nếu gia cầm bị ốm, chết không được bán hoặc ăn thịt. Phải có khu mổ khám và đốt hoặc chôn xác gia cầm. Khi chôn phải chôn sâu, trước khi lấp phải rắc vôi bột lên trên. Thường xuyên phun thuốc sát trùng khu vực này. Không được sử dụng lại thức ăn thừa của những đàn gia cầm bị bệnh cho đàn khác.

Trong quá trình thực hiện những công việc trên người chăn nuôi đặc biệt chú ý phải chú ý bảo vệ mình bằng cách mặc quần áo bảo hộ, đeo khẩu trang, đi ủng, đeo kính bảo hộ, đội mũ, đi găng tay, sau khi thực hiện công việc xong phải tắm rửa và vệ sinh cá nhân cẩn thận.

2. Giai đoạn gà con 0-9 tuần tuổi

2.1. Chuẩn bị dụng cụ và chuồng trại

* *Chuồng trại:* Chuồng trại và dụng cụ nuôi phải được cọ rửa sạch sẽ, để trống chuồng trước khi nuôi 15-20 ngày và phải được xử lý theo đúng qui định về vệ sinh phòng dịch, tường quét vôi nồng độ 40%, nền chuồng được tiêu độc bằng xút 2% với liều lượng 1 lít/m² hoặc bằng các loại thuốc sát trùng khác.

Trước khi thả gà 1 ngày phun tẩy uế lại bằng dung dịch formol 3% (hoặc các loại thuốc sát trùng khác) sau đó đóng kín cửa lại. Sau khi phun 5 giờ mở cửa cho thông thoáng bay hết mùi rồi mới cho gà vào.

* *Máng ăn:* 2 tuần đầu dùng mẹt hoặc khay tôn (kích thước 60 × 80 cm, thân cao 2-3 cm, cho 80-100 gà), sau 2 tuần dùng máng ăn.

Có hai loại máng ăn: máng tròn và máng dài.

Máng dài có thiết diện hình thang, đáy nhỏ từ 5-8 cm, miệng rộng từ 7-13 cm, chiều dài của máng 1-1,5 m, cao 4-8 cm, có đế vững chắc tránh rơi vãi thức ăn.

- Máng tròn có thể bằng nhựa hoặc bằng tôn.

* *Máng uống:*

- Máng tròn (gallon) gồm phần đáy và thân lắp vào nhau, làm bằng nhựa, thể tích máng tùy theo loại gà: gà con 1,5-2 lít, gà dò và gà sinh sản 4-8 lít.

- Máng dài có độ dài tương đương với máng ăn nhưng thiết diện nhỏ hơn.

* *Chụp sưởi:* Gà con sau khi nở chưa có khả năng điều tiết thân nhiệt, do đó phải có hệ thống lò sưởi để cung cấp nhiệt độ cho gà đến khi chúng có khả năng điều tiết được thân nhiệt phù hợp nhiệt độ môi trường, có thể sưởi bằng điện (dây mayso và chụp sưởi) hoặc bằng đèn hồng ngoại. Tùy theo số lượng gà con 1 ngày tuổi, nhiệt độ chuồng nuôi mà bố trí hệ thống sưởi cho hợp lý.

* *Rèm che:* Dùng vải bạt che bên ngoài lưới thép để giữ nhiệt độ chuồng nuôi và tránh gió lùa hoặc có thể dùng cát ép hay phen liếp.

* *Quây gà:* Làm bằng cát ép, tấm nhựa hoặc lưới sắt, chiều cao 50-60 cm, đường kính 2-2,5 m. Quây gà

dùng để úm gà con trong 14 ngày đầu, mỗi quây như vậy có thể nhốt 150-200 gà một ngày tuổi.

* *Độn chuồng*: Phải có khả năng hút ẩm, có thể dùng phơi bào, trấu, cỏ khô hoặc rơm khô băm nhỏ. Chất độn chuồng phải được phơi khô, phun sát trùng bằng formol 2%.

Giai đoạn gà con được tính từ 1-63 ngày tuổi, ở giai đoạn này các cơ quan phủ tạng nhất là bộ máy tiêu hoá chưa hoàn thiện, dạ dày cơ chưa tiêu hoá được các loại thức ăn xơ cứng, men tiêu hoá chưa đầy đủ, đặc biệt thời kỳ gà con rất nhạy cảm với điều kiện bên ngoài vì vậy phải tạo điều kiện tốt để gà phát triển nhanh và khoẻ mạnh.

2.2. Chọn gà con giống

Chọn những con nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn, chân mập, khối lượng gà 30 - 32 g là đạt yêu cầu. Tránh chọn những con khô chân, vẹo mỏ, khèo chân, hở rốn.

2.3. Nhiệt độ, ẩm độ và thông thoáng

Gà con không tự điều chỉnh thân nhiệt một cách hoàn hảo trong hai tuần đầu, do đó các bệnh đường hô hấp, tiêu hoá dễ phát sinh khi ẩm độ môi trường lên cao, vì vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tỷ lệ nuôi sống và khả năng sinh trưởng.

Yêu cầu về nhiệt độ và ẩm độ

Tuần tuổi	Nhiệt độ trong nhà (°C)	Nhiệt độ chụp sưởi (°C)	Độ ẩm tương đối (%)
1	26 - 27	32 - 33	60 - 70
2	25 - 26	31 - 32	
3	23 - 24	30 - 31	
4	22 - 23	28	
5	21 - 22	26	
> 5	20 - 21	25 - 26	

Khi đủ ấm, gà nằm nghỉ rải đều từng tốp 3 - 5 con, khi thiếu nhiệt gà dồn chồng đống lên nhau, nếu thừa nhiệt, gà tản xa nguồn nhiệt, nháo nhác và khát nước.

Chuồng nuôi phải đảm bảo thông thoáng, nhưng tránh gió lùa.

Gà con cần chiếu sáng 24/24 giờ trong 3 tuần đầu, sau 4 - 6 tuần, giảm dần đến 16 giờ, từ tuần 7 - 9 tuần lợi dụng ánh sáng tự nhiên, đảm bảo cường độ ánh sáng 3 W/m² là đủ.

2.4. Nước uống

Cần phải cho gà uống nước sạch, tốt nhất pha 5% đường glucoza vào nước cho gà uống trong những ngày đầu. Nước cho gà uống phải ấm. Sử dụng máng nước kiểu tự động giúp cho gà uống thuận tiện, không bị rơi vãi làm ướt chuồng. Chỉ cho gà ăn sau khi đã cho uống. Nếu thời gian chuyển gà càng lâu càng cần

nhiều thời gian cho gà uống, sau khi thả gà vào quây trong 3 - 4 giờ đầu chỉ cho uống nước, chưa cho ăn.

2.5. Thức ăn

Thức ăn phải được phối chế cân đối đảm bảo đủ dinh dưỡng cho nhu cầu phát triển của gà trong giai đoạn. Khẩu phần ăn có thể phối chế đa nguyên liệu, sử dụng thức ăn bổ sung đậm động vật, thực vật, premix khoáng vi lượng và vitamin.

Không sử dụng nguyên liệu bị mốc hoặc bột cá có hàm lượng muối (NaCl) cao, sử dụng đỗ tương phải được rang chín gà mới tiêu hoá được.

Trong 2 tuần đầu dùng khay ăn để cho gà ăn, mỗi lượt cho gà ăn chỉ cho lượng thức ăn vừa đủ. Một ngày đêm cho ăn 9-10 lượt để thức ăn luôn mới, thơm, hấp dẫn tính ngon miệng và tránh lãng phí.

Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà con (0-9 tuần tuổi)

Chỉ tiêu	Gà con	
	0-5 tuần	6-9 tuần
ME (Kcal/kg)	2900	2850
Protein (%)	21,00	18,00
Canxi (%)	1,20	1,10
Photpho (%)	0,65	0,65
Methionin (%)	0,42	0,36
Lizin (%)	1,10	0,95

Chế độ nuôi dưỡng và khối lượng cơ thể gà mái

Tuần tuổi	Chế độ nuôi dưỡng	Khối lượng cơ thể gà mái
0 - 6 tuần	Cho ăn tự do	-
7 tuần	Ăn tự do đến 12h đêm	500 g
8 tuần	Ăn tự do đến 8h tối	580 g
9 tuần	Cắt điện hoàn toàn	670 g

2.6. Mật độ

Đảm bảo mật độ 15 - 20 con/m².

Ngoài ra cũng có thể nuôi theo phương thức chăn thả. Đối với phương thức nuôi chăn thả thì các khâu chuẩn bị chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, chọn gà giống 1 ngày tuổi, nhiệt độ ẩm độ,... cũng giống như nuôi theo phương thức nhốt hoàn toàn. Đối với phương thức này cần có thêm vườn rộng để thả gà ở tất cả các giai đoạn. Mùa hè (4-5 tuần), mùa đông (7-8 tuần) chọn ngày đẹp trời thả gà ra ngoài 2-3 tiếng cho tập làm quen với môi trường trong vòng 3-5 ngày rồi mới thả cả ngày

Gà thả ra thường sẽ tự kiếm thêm mồi (sâu, bọ, giun, dế, thóc rơi,...). Ngoài ra bổ sung thêm rau xanh, cỏ, cơm nguội thừa, củ quả,... như vậy sẽ rút đi 20-25% lượng thức ăn phải đầu tư so với phương thức nuôi nhốt tùy theo lượng thức ăn sẵn có. Mật khác

nuôi gà theo phương thức chăn thả, gà được vận động nhiều sẽ tăng cường sức khoẻ.

3. Giai đoạn gà dò, gà hậu bị (10-21 tuần tuổi)

Giai đoạn này liên quan chặt chẽ đến khả năng sinh sản do vậy cần thực hiện nghiêm túc chế độ chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo đàn giống duy trì sức khoẻ tốt, mức độ đồng đều cao.

+ Thực hiện cho gà ăn hạn chế với thức ăn có mức dinh dưỡng thấp tránh để gà béo sẽ dẫn đến ảnh hưởng về khả năng sinh sản sau này.

+ Tuân thủ mức ăn và khối lượng cơ thể được hướng dẫn theo các tuần tuổi.

Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà dò, hậu bị (10 - 21 tuần)

Chỉ tiêu	Gà dò	Gà hậu bị
	10-17 tuần	18-21 tuần
ME (Kcal/kg)	2750	2750
Protein (%)	14,50	17,00
Canxi (%)	1,10	2,70
Photpho (%)	0,60	0,75
Methionin (%)	0,32	0,40
Lizin (%)	0,80	1,00

*Khối lượng cơ thể và định mức ăn cho gà mái
giai đoạn gà dò, hậu bị*

Tuần tuổi	Khối lượng cơ thể (g)	Thức ăn/con/ngày (g)
10	730	60
11	850	60
12	950	65
13	1.020	65
14	1.100	70
15	1.180	70
16	1.230	75
17	1.280	75
18	1.350	80
19	1.400	85
20	1.450	90
21	1.500	95

Để cho đàn gà đồng đều khi cho ăn hạn chế cần đảm bảo 10-12 con/máng đối với máng dài, máng tròn 15-16 con/máng. Máng uống 10-12 con/máng. Mật độ nuôi 7-8 con/m².

+ **Độn chuồng:** Cần đảm bảo dày 6-7 cm.

+ **Ánh sáng:** Sử dụng ánh sáng tự nhiên.

Lưu ý:

- Cần ngăn chặn các hiện tượng mổ cắn nhau, nguyên nhân chủ yếu do gà không được ăn đầy đủ về

dinh dưỡng (chẳng hạn thiếu vitamin hoặc muối), thừa ánh sáng, mật độ nuôi dày, chuồng ngột ngạt. Những nguyên nhân trên cần xác định sớm, những con hay mổ cần phải tách khỏi đàn nhốt riêng, bởi rất khó loại bỏ được tập tính mổ cắn nhau nếu nó trở thành thói quen của đàn, những con bị mổ cũng cần được tách riêng và dùng Xanh metylen bôi vào vết mổ cần.

- Giai đoạn này có thể kết hợp nuôi thả thả để gà tận dụng thêm thức ăn sẵn có trong tự nhiên, gà được vận động nhiều tăng cường sức khỏe.

- Giai đoạn này liên quan chặt chẽ đến khả năng sinh sản của đàn gà do vậy cần chú ý đến sức khỏe của đàn gà và mức độ đồng đều cao thì gà vào đẻ mới tốt, gà được vận động nhiều sẽ tiêu hao nhiều năng lượng do đó tránh được hiện tượng tích mỡ, ảnh hưởng tới khả năng sinh sản. Nếu nuôi thả lượng thức ăn phải cung cấp cho gà giai đoạn này bằng 60 - 70% so với nuôi nhốt hoàn toàn

- Gà thả vườn sẽ tận dụng thức ăn sẵn có và thức ăn rơi vãi tránh lãng phí, mặt khác gà vận động nhiều sẽ tăng cường sức khỏe.

- Đến 18-21 tuần tuổi nếu đàn gà chậm phát dục thì tăng thêm lượng thức ăn bổ sung và các vitamin ADE để bồi dưỡng cho đàn gà vào đẻ tốt.

- Kết quả cuối cùng của giai đoạn này là tỷ lệ gà chọn vào đẻ cao, sức khoẻ tốt.

4. Giai đoạn sinh sản (>21 tuần tuổi)

4.1. Chuồng nuôi

Phải đảm bảo sạch sẽ, độn chuồng dày 8-10 cm bằng phoi bào hoặc trấu, có rèm che để tránh mưa hắt.

Ổ đẻ đỡ trấu hoặc phoi bào mới dày 10-12 cm, tránh để ánh sáng chiếu trực tiếp vào ổ đẻ.

4.2. Ánh sáng

Giai đoạn này ngoài ánh sáng tự nhiên (10- 12giờ/ngày) cần phải bổ sung thêm ánh sáng bằng cách lắp điện vào buổi tối hoặc sáng sớm sao cho đạt 16 giờ chiếu sáng/ngày với cường độ chiếu sáng $3\text{W}/\text{m}^2$ chuồng nuôi (một bóng điện công suất 60W treo cao 2m cho 20 m^2 nền chuồng).

4.3. Chọn lọc gà và mật độ nuôi

Chọn gà mái lên đẻ biểu hiện phát dục bằng độ sáng bóng của lông, mào, tích, bộ lông áp sát vào thân, không đưa gà khuyết tật lên đẻ. Mật độ nuôi 5-6 con/ m^2 .

4.4. Thức ăn

Chế độ dinh dưỡng giai đoạn sinh sản:

Chỉ tiêu	> 21 tuần
ME (Kcal/kg)	2750
Protein (%)	17,50
Canxi (%)	3,35
Photpho (%)	0,85
Methionin (%)	0,42
Lizin (%)	1,10

- Thức ăn cần đảm bảo chất lượng tốt, không ôi mốc, đặc biệt cần bổ sung bột đá, bột vỏ sò nhiều gấp 2-3 lần các giai đoạn trước để gà tạo vỏ trứng, có thể sử dụng 8-10 % thóc mầm trong thức ăn để đảm bảo khả năng sinh sản và tỷ lệ phôi.

- Khi thời tiết mát gà ăn được lượng thức ăn nhiều hơn do vậy chỉ cần protein trong khẩu phần là 17%, mùa hè trời nóng gà ăn ít vì vậy cần tăng lượng protein lên 17,5% để đảm bảo nhu cầu protein trong quá trình tạo trứng.

- Ở tuần tuổi này gà bắt đầu vào đẻ. Nếu nuôi chân thả thì lượng thức ăn bổ sung cho đàn gà bằng 85- 90% lượng thức ăn hàng ngày so với phương thức nuôi nhốt. Thức ăn được chia làm 2 lần/ngày sáng và

chiều, giai đoạn này cần bổ sung thêm nhiều rau xanh cho gà để tăng thêm vitamin trong khẩu phần.

- Nước uống phải thường xuyên đủ và sạch, mỗi ngày thay nước 2-3 lần.

- Khi gà đẻ đạt đỉnh cao cần bổ sung các loại vitamin vào nước uống.

- Thu trứng mỗi ngày 3-4 lần để đảm bảo trứng sạch và tránh bị đập vỡ.

** Lưu ý:*

Đối với phương thức nuôi thả cũng phải áp dụng qui trình phòng bệnh như nuôi nhốt, nhưng chú ý tẩy giun sán cho gà 4-5 tháng/lần.

Vào những ngày mưa ẩm không nên thả vì gà sẽ dễ bị nhiễm bệnh.

4.5. Tỷ lệ đẻ, năng suất trứng, TTTA giai đoạn sinh sản

Tuần tuổi	Tỷ lệ đẻ (%)	Năng suất trứng/mái cộng dồn (quả)	TẤ/con/ngày (g)
	5,25	0,37	95
	12,50	1,25	95
	38,49	3,94	100
	45,06	7,09	100
	53,95	10,87	105
	58,56	14,97	105

Tuần tuổi	Tỷ lệ đẻ (%)	Năng suất trứng/mái cộng dồn (quả)	TĂ/con/ngày (g)
	66,81	19,65	110
	69,79	24,54	110
	70,69	29,49	115
	71,67	34,51	115
	72,95	39,62	120
	78,01	45,08	120
	75,00	50,33	120
	74,49	55,40	120
	73,43	60,54	115
	72,37	65,60	115
	69,31	70,45	110
	69,05	75,29	110
	68,60	80,09	110
	68,19	84,86	110
	68,06	89,63	105
	67,18	94,33	105
	66,56	98,99	105
	65,26	103,56	105
	65,24	108,12	105
	64,62	112,65	105
	63,79	117,11	105
	61,58	121,42	105
	61,49	125,73	100
	59,83	129,91	100
	59,09	134,05	100
	56,89	138,03	100

Tuần tuổi	Tỷ lệ đẻ (%)	Năng suất trứng/mái công dồn (quả)	TĂ/con/ngày (g)
	55,95	141,95	100
	55,58	145,84	100
	55,24	149,71	100
	54,82	153,54	100
	53,58	157,29	100
	53,50	161,04	100
	53,46	164,78	100
	53,03	168,49	100
	52,72	172,18	100
	52,48	175,86	100
	52,15	179,51	100
	52,08	183,15	100
	51,82	186,78	100
	50,75	190,33	100
	50,63	193,88	100
	50,16	197,39	100
	50,02	200,89	100
	48,36	204,28	100
	45,23	207,44	100
	43,22	210,47	100
	42,17	213,42	100
Trung bình	57,82	213,42	
Tổng (kg)			38,78

5. Lịch phòng bệnh

Ngày tuổi	Vaccin và thuốc dùng
1	Tiêm phòng vaccin Marek.
1- 4	Phòng bệnh đường ruột bằng một trong các kháng sinh sau: Octamix 1g/4- 6 lít nước. Flocidin (5%) 50mg/ 10 kgP. Genta- Costrim 50 mg/ 1kg P. Kết hợp cho uống các loại vitamin tổng hợp.
5	Nhỏ Vaccin IB + ND Ma5 Clon30, hoặc Vaccin Lasota, lần 1, nhỏ mắt, mũi (phòng bệnh Newcastle và Viêm phế quản truyền nhiễm).
7	Chủng đậu lần một. Vaccin Gumboro lần 1, nhỏ mắt, mũi.
8 - 12	Phòng bệnh đường hô hấp bằng: Tylosin 1g/ 1lít nước hoặc Tiamulin 100mg/ 1lít nước.
15	Tiêm vaccin cúm gia cầm lần 1- Tiêm dưới da cổ Bổ sung điện giải hoặc vitamin tổng hợp
14 - 16	Phòng bệnh cầu trùng bằng một trong các loại thuốc sau: Rigercoffin 1g/ 4- 6 lít nước. Vetpro 1g/ 1lít nước. Pharticoc- Plus 1g/ 1lít nước hoặc 5g/ 3kg cảm. Baycox 1g/ 1lít nước.Cho uống 2 ngày liên tục.
17	Vaccin Gumboro lần 2, nhỏ mắt mũi hoặc cho uống.
18	Vaccin IB + ND Ma5 Clon 30 hoặc Lasota, lần 2 nhỏ mắt mũi, cho uống các loại vitamin tổng hợp.

Ngày tuổi	Vaccin và thuốc dùng
24	Vaccin Gumboro lần 3, nhỏ mắt mũi hoặc cho uống.
26- 28	Phòng bệnh cầu trùng bằng một trong các loại thuốc đã nêu ở trên.
38 - 40	vacxin Newcastle hệ I, tiêm dưới da cổ. Cho uống các loại vitamin tổng hợp.
45	Tiêm vacxin cúm lần 2 - Tiêm dưới da cổ Bổ sung điện giải hoặc vitamin tổng hợp
50 - 70	Phòng cầu trùng ruột non + E.coli bằng một trong các loại thuốc đã nêu ở trên kết hợp với Genta- Costrim.
80 - 112	Phòng bệnh đường hô hấp và đường ruột bằng. Tylosin 40- 60 mg/ 1kgP kết hợp với Genta- Costrim 80-100 mg/ 1kg P. Liệu trình 3- 5 ngày.
120 - 130	Tiêm Vaccin nhũ dầu 3 bệnh : Newcastle, Viêm phế quản truyền nhiễm và Gumboro. Bổ sung ADE. Sau hai tháng phòng kháng sinh cho gà đẻ một lần.

III. MỘT SỐ KHẨU PHẦN THỨC ĂN THAM KHẢO

1. Giai đoạn 0-5 tuần tuổi

Giai đoạn này có thể cho sử dụng các loại thức ăn hỗn hợp ăn thẳng hoặc đậm đặc phối trộn với thức ăn sẵn có tại địa phương như ngô, cám, gạo... dành cho gà lông màu của hãng Quảng Lợi QL 22 - năng lượng trao đổi 2950 kcal/kg thức ăn, protein thô 22%.

2. Giai đoạn 6-9 tuần tuổi

TT	Thành phần nguyên liệu	Tỷ lệ (%)
1	Ngô	63,5
2	Thóc	2,9
3	Cám tẻ	3,0
4	Quảng Lợi QLCM250	30,0
	Tổng cộng	100
	Giá trị dinh dưỡng	
5	Protein	18,0
6	Năng lượng (kcal/kg)	2850
7	Canxi	0,98
8	Photpho	0,37
9	Lizin	0,0,38
10	Methionin	0,63

3. Giai đoạn 10-17 tuần tuổi

TT	Thành phần nguyên liệu	Tỷ lệ (%)
1	Ngô	54,0
2	Thóc	14,8
3	Cám tẻ	10,0
4	Quảng Lợi QLCM250	19,6
5	Bột thịt	1,2
6	Lyzin	0,4
	Tổng cộng	100
	Giá trị dinh dưỡng	
6	Protein	14,52
7	Năng lượng (kcal/kg)	2750
8	Canxi	1,02
9	Photpho	0,39
10	Lizin	0,82
11	Methionin	0,32

4. Giai đoạn 18-21 tuần tuổi

TT	Thành phần nguyên liệu	Tỷ lệ (%)
1	Ngô	51
2	Thóc	7,6
3	Cám tẻ	9
4	Quảng Lợi QLCM250	32,4
	Tổng cộng	100
	Giá trị dinh dưỡng	
5	Protein	16,53
6	Năng lượng (kcal/kg)	2750
7	Canxi	3,69
8	Phot pho	0,49
9	Lizin	1,17
10	Methionin	0,41

5. Giai đoạn >21 tuần tuổi

TT	Thành phần nguyên liệu	Tỷ lệ (%)
1	Ngô	50,3
2	Thóc	6,0
3	Cám tẻ	7,5
4	Quảng Lợi QLCM250	36,2
	Tổng cộng	100
	Giá trị dinh dưỡng	
5	Protein	17,51
6	Năng lượng (kcal/kg)	2750
7	Canxi	4,11
8	Photpho	0,54
9	Lizin	1,27
10	Methionin	0,43

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	3
I. Đặc điểm, tính năng sản xuất của gà Ai Cập	5
II. Kỹ thuật nuôi gà Ai Cập	6
1. Thực hiện biện pháp an toàn sinh học	6
2. Giai đoạn gà con 0-9 tuần tuổi	13
3. Giai đoạn gà dò, gà hậu bị (10-21 tuần tuổi)	19
4. Giai đoạn sinh sản (>21 tuần tuổi)	22
5. Lịch phòng bệnh	27
III. Một số khẩu phần thức ăn tham khảo	28
1. Giai đoạn 0-5 tuần tuổi	28
2. Giai đoạn 6-9 tuần tuổi	29
3. Giai đoạn 10-17 tuần tuổi	29
4. Giai đoạn 18-21 tuần tuổi	30
5. Giai đoạn >21 tuần tuổi	30

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN CAO DOANH

Phụ trách bản thảo
BÍCH HOA - HOÀI ANH

Trình bày bìa
ĐỖ THỊNH

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

167/6 Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: (04) 5761075 - 8521940 Fax: 04.5760748

CHI NHÁNH NXB NÔNG NGHIỆP

58 Nguyễn Bình Khiêm - Q1 - Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 8.299521 - 8.297157 Fax: 08.9101036

In 1.030 bản, khổ 13 x 19cm, tại Xưởng in NXB Nông nghiệp
Quyết định in số 08-2006/CXB/208-223/NN do Cục Xuất bản
cấp ngày 15/12/ 2005. In xong và nộp lưu chiểu Quý IV/2006.

63 - 630

- 208/ 223 - 06

NN - 2006

HƯỚNG DẪN LỜI GIẢI TẬP

FAHASA
TRUNG ƯƠNG



1 113030 005637

7,500 VND

8 936032 942433

Giá: 7.500 đ